

Bản án số: **781/2025/HS-PT**

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Hùng - *Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 589/TLPT-HS ngày 30/7/2025 đối với các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với Bản án hình sự số 54/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Lê Ngọc H**, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, thành phố Hà Nội; (*Trước đây là: Thôn T, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội*); Nghề nghiệp: Chủ tịch hội người mù tỉnh L; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn C và bà Văn Thị N; Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1991; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; *Có mặt.*

2. **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1991; Giới tính: Nữ; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, thành phố Hà Nội; (*Trước đây là: Thôn T, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội*); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn V1 và bà Văn Thị H1; Chồng: Lê Ngọc H, sinh năm 1991, Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; *Có mặt.*

*** Bị hại không kháng cáo:** Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ; *Có mặt.*

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc H: Luật sư Nguyễn Ngọc H2, Đoàn Luật sư thành phố H; (Toà án chỉ định người bào chữa, nhưng tại phiên toà bị cáo từ chối người bào chữa); Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/12/2024, anh Đỗ Văn Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 19A-***.** chở anh Đào Công V2 đi đến Công ty TNHH X ở cụm C, xã Q, huyện T, TP. Hà Nội gặp Lê Ngọc H là Chủ tịch Hội người mù tỉnh L để đòi số tiền 70 triệu đồng là số tiền phát sinh từ thoả thuận mua bán tấm nên giữa H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Sau đó, Nguyễn Thị V (vợ H) điều khiển xe ô tô chở H đi ra ngoài thì anh Đ cũng điều khiển xe ô tô đi theo. Khoảng 20 phút sau, V điều khiển xe ô tô quay lại Công ty TNHH X thì anh Đ cũng điều khiển xe quay lại, khi đến trước cửa Công ty TNHH X thì giữa anh Đ và H xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Lúc này, H nói với Nguyễn Thị V là "*Chặt lốp xe của anh Đ đi để không bám theo được nữa*" thì V đồng ý cầm tay dẫn H đi vào bếp, V lấy 01 con dao dài 32cm, cán kim loại, mũi dao vuông đưa cho H cầm rồi dẫn H đi ra vị trí xe ô tô của anh Đ và chỉ cho H cầm dao chém vào mâm bánh xe phía trước bên trái và nắp ca-pô. Sau đó, H đi sang bên phải tiếp tục chém vào ốp ngoài gương bên phải xe ô tô nên anh Đ lao vào giằng và giật được con dao từ tay H rồi ném đi thì H bảo V dẫn vào nhà lấy con dao khác thì V tiếp tục dẫn H đi vào bếp, V lấy 01 con dao dạng dao bầu dài 30cm, cán gỗ, mũi dao nhọn đưa cho H và dẫn H quay lại vị trí xe ô tô của anh Đ. Lúc này, H dùng dao đâm vào lốp xe phía sau bên trái rồi mở cửa xe ô tô phía sau bên trái khua khoắng bên trong xe ô tô. Sau đó, V dẫn H đi vào nhà rồi điều khiển xe ô tô chở H rời đi còn anh Đ đi đến Công an xã Q trình báo nội dung vụ việc.

Hậu quả: Xe ô tô BKS:19A-***.** bị hư hỏng: Tại nắp capo có 03 vết rách, lõm song song trong diện (17 x 13)cm; Gương chiếu hậu bên phải có vết rách nhựa mất sơn diện (13 x 9)cm; Mâm bánh trước bên trái có vết rách diện (2 x 0,1)cm; Mặt ngoài lốp bánh sau bên trái có vết rách cao su diện (7 x 0,1)cm.

Ngày 24/12/2024, anh Đỗ Văn Đ tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe ô tô BKS: 19A-654.83 và 01 con dao loại dao màu sáng dài 32cm, bản rộng 10,5cm cán bằng kim loại, lưỡi dao dài 21cm. Ngày 24/12/2024, anh Đào Công V2 tự nguyện giao nộp 01 đĩa CD lưu giữ 02 video tự quay có độ dài 01 phút 10 giây và 33 giây. Ngày 25/12/2024, Nguyễn Thị V tự nguyện giao nộp 01 con dao loại dao bầu mũi nhọn, chiều dài 30cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại dài 17cm và 01 đĩa CD lưu giữ 05 đoạn video trích xuất từ camera của Công ty TNHH X có độ dài lần lượt là 18 phút 59 giây, 17 phút 58 giây, 17 phút 01 giây, 17 phút 33 giây và 09 phút 25 giây.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 15/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Phần thiệt hại 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX5, màu sơn xanh, BKS: 19A-654.83, số máy PE50403313, số khung RN2KEW7ARM141394, sản xuất năm 2024, đăng ký lần đầu ngày 17/10/2024 bị hư hỏng một phần tại thời điểm giám định có giá 8.888.400 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Ngọc H và Nguyễn Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX5, màu sơn xanh, BKS: 19A-654.83. Quá trình điều tra xác định là của anh Đỗ Văn Đ nên ngày 20/01/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Đ.

Về dân sự: anh Đỗ Văn Đ yêu cầu Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V bồi thường số tiền 8.888.400 đồng.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HSST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã quyết định:** *Tuyên bố:* Các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”; *Căn cứ:* khoản 1 Điều 178; điểm i, s, (thêm điểm p đối với bị cáo H) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; *Xử phạt:* Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V mỗi bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp bảo đảm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2025 các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, các bị cáo không cho rằng mình không cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, hành vi của các bị cáo là phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, bị kích động do hành vi của bị hại gây ra nên các bị cáo không phạm tội. Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo của mình, đề nghị xem xét các bị cáo không cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác mà do bức tức việc bị hại có lời nói xúc phạm các bị cáo nên đã thực hiện các hành vi như bản án sơ thẩm nêu. Các bị cáo cho rằng mình không phạm tội, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Bị hại Đỗ Văn Đ khai như đã khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị xử lý nghiêm đối với các bị cáo để đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung:* Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt H, V, mỗi bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội

và nhân thân của các bị cáo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ nào mới để làm cơ sở xem xét kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, đề nghị giữ nguyên tội danh, mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Lê Ngọc H là người khuyết tật đặc biệt nặng, nên khi xét xử Tòa án đã chỉ định người bào chữa cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo từ chối người bào chữa và trình bày có khả năng tự bào chữa cho mình. Việc từ chối người bào chữa của bị cáo là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn về việc mua bán tấm giữa anh Đỗ Văn Đ và Lê Ngọc H – là chủ tịch Hội người mù tỉnh L. Ngày 24/12/2024, anh Đ điều khiển xe ô tô BKS: 19A-***.** cùng với anh Đào Công V2 (SN:1984, HKTT: TDP Đ, Phường D, H, Hà Nội) đi đến gặp Lê Ngọc H tại Công ty TNHH X ở khu công nghiệp Q, xã Q, huyện T, TP. Hà Nội để đòi số tiền 70 triệu đồng về việc mua bán tấm thì giữa anh Đ và H xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Sau đó, Nguyễn Thị V đã 02 lần dẫn Lê Ngọc H vào bếp của Công ty X lấy 02 con dao đưa cho H và dẫn H ra vị trí xe ô tô của anh Đ để H dùng 02 con dao chém vào mâm bánh trước bên trái, nắp capo, gương chiếu hậu bên phải, mặt ngoài lớp bánh sau bên trái ô tô BKS: 19A-***.** làm thiệt hại về tài sản là 8.888.400 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện

tội phạm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

*** Xét kháng cáo của các bị cáo trong vụ án:** Sau khi xét xử các bị cáo có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với các nội dung cho rằng: Việc điều tra, truy tố, xét xử là không khách quan, không đầy đủ; Căn cứ kết tội chưa vững chắc; Việc đánh giá chứng cứ còn nhiều thiếu sót, chưa bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bị cáo; Mức hình phạt của bản án sơ thẩm không thoả đáng với mức độ hành vi của các bị cáo và hoàn cảnh sự việc xảy ra. Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Về việc điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ, đánh giá chứng cứ và xác định tội danh đối với các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, việc điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ, đánh giá chứng cứ được thực hiện khách quan, đầy đủ, toàn diện đúng quy định của pháp luật. Về tội danh đối với các bị cáo: Như đã phân tích ở trên, các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, xâm phạm khách thể được pháp luật bảo vệ. Do đó, bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc các bị cáo đưa ra lý do, vì bị hại có lời nói xúc phạm các bị cáo dẫn đến các bị cáo bị kích động, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết nên các bị cáo không phạm tội là không có cơ sở. Diễn biến sự việc thể hiện các bị cáo rất bình tĩnh, 02 lần vào nhà lấy 02 con dao ra làm cố ý làm hư hỏng tài sản của bị hại, hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo không bị oan. Những nội dung kháng cáo nêu trên của các bị cáo là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, sau khi thực hiện phạm tội các bị cáo không thực sự ăn năn hối cải, luôn tìm cách đổ lỗi cho người khác, lẽ ra phải xử phạt nghiêm không cho các bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, khi lượng hình Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khai báo về hành vi phạm tội của mình; tài sản các bị cáo gây hư hỏng có giá trị không lớn (8.888.400 đồng); bị cáo H là người khuyết tật đặc biệt nặng, mù cả hai mắt; bị cáo V là người đồng phạm giúp sức; để từ đó áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm i, s (H áp dụng thêm điểm p) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Các nội dung kháng cáo của các bị cáo về phần hình phạt là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, giữ

nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo.

[2.2] Về các nội dung khác

- Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, nhưng bị cáo Lê Ngọc H là người khuyết tật đặc biệt nặng nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (nay là Toà án nhân dân khu vực 11, thành phố Hà Nội) về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 178; điểm i, s, (áp dụng thêm điểm p đối với bị cáo Lê Ngọc H) khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt:** Bị cáo Lê Ngọc H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Ngọc H, Nguyễn Thị V cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Ngọc H được miễn án phí hình sự phúc thẩm.
Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ 1);
- VKSNDTC;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TAND Khu vực 11, Hà Nội;
- VKSND Khu vực 11, Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 11, Hà Nội;
- Bị cáo; Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy